

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018  
của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển  
công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

----

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
TỈNH HÒA BÌNH  
CÔNG VĂN NỘI BỘ  
Số: 152 ngày 30/10/2018  
Chuyển...

✓  
4 at 5/2  
- Day 10/10

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện, cụ thể như sau:

**I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

Trong những năm qua, ngành công nghiệp đã có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo nhiều việc làm cho lao động, tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước; giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân hằng năm đạt 18,23%, năm 2017 đạt trên 27,5 nghìn tỷ đồng; đến nay toàn tỉnh được quy hoạch 8 khu công nghiệp, 21 cụm công nghiệp với tổng diện tích đất trên 2.178 ha; tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm nội tỉnh tăng, quy mô kinh tế không ngừng được mở rộng, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) của tỉnh đạt khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp. Một số nhóm ngành công nghiệp chế biến có mức tăng trưởng cao, thị trường xuất khẩu ổn định (may mặc, sản phẩm điện tử, sản phẩm thấu kính quang học); một số sản phẩm tiêu thụ tốt tại thị trường trong nước (sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm sản).

*Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, yếu kém như:* Quy mô công nghiệp còn nhỏ so với các tỉnh trong Quy hoạch xây dựng vùng thủ đô; kết cấu hạ tầng công nghiệp còn yếu kém, thiếu đồng bộ; nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp hạn chế; cơ chế, chính sách thúc đẩy xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư chưa hấp dẫn; lộ trình đổi mới công nghệ, thiết bị đối với các doanh nghiệp chưa đạt yêu cầu phát triển; nguyên liệu đầu vào cho sản xuất phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu là chủ yếu; chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều, thiếu lao động tay nghề cao...

## II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

### 1- Quan điểm

Phát triển công nghiệp theo hướng kết hợp hài hòa giữa phát triển chiều rộng và chiều sâu; khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về tài nguyên, lao động; chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện cách mạng công nghiệp lần thứ 4 gắn với bảo vệ môi trường và phòng chống biến đổi khí hậu. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, giảm dần và loại bỏ công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường nhằm tiết kiệm tài nguyên, đảm bảo tăng trưởng bền vững. Coi công nghiệp là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế; tập trung thu hút phát triển các ngành công nghiệp: Công nghệ cao, chế biến, chế tạo, hỗ trợ, vật liệu xây dựng... Chủ yếu dựa trên nguồn lực xã hội hóa, đẩy mạnh thu hút đầu tư FDI và đầu tư trong nước; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

### 2- Mục tiêu

#### *\* Mục tiêu tổng quát*

- Phân đấu đến năm 2030: Cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chiều sâu, hướng đến phát triển công nghiệp bền vững.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Trở thành tỉnh công nghiệp phát triển hiện đại.

#### *\* Mục tiêu cụ thể đến năm 2030*

- Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 63%.

- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 40%.

- Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 48%.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân trên 10,5%/năm (trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 12%/năm).

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ trong tổng lao động đạt khoảng 30%; Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ trong các thành phần kinh tế đạt trên 75%.

- Hoàn thiện và khai thác hiệu quả 100% các khu, cụm công nghiệp; phát triển một số doanh nghiệp công nghiệp trong tỉnh có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

### 3- Nhiệm vụ, giải pháp

#### 3.1- Chính sách phân bố không gian, chuyển dịch cơ cấu và phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên

Phát triển công nghiệp gắn với phát triển các khu, cụm công nghiệp có lợi thế về nguồn nguyên liệu và nhân lực, phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng của tỉnh. Căn cứ tính chất, chức năng của từng khu, cụm công nghiệp và vị trí địa lý, bố trí sắp xếp các ngành công nghiệp, đảm bảo không gian, an toàn về môi trường và khả năng cung ứng lao động phù hợp. Phân bố không gian công nghiệp thành 3 tiểu vùng:

- *Tiểu vùng 1 (thành phố Hòa Bình, huyện Kỳ Sơn, huyện Lương Sơn và phía bắc huyện Lạc Thủy):* Là vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp, có vai trò là đầu tàu kéo theo các vùng khác phát triển. Tiếp tục thu hút đầu tư lấp đầy diện tích các khu, cụm công nghiệp. Khuyến khích thu hút các dự án đầu tư có trình độ công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường trong các nhóm ngành công nghiệp cơ khí, sản xuất linh kiện điện tử... thu hút các dự án về dệt may, da giày, chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu. Phát triển các ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến gỗ; công nghiệp hỗ trợ...; đồng thời tiếp tục đầu tư phát triển các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp truyền thống của địa phương theo hướng xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

- *Tiểu vùng 2 (phía nam huyện Lạc Thủy và các huyện: Kim Bôi, Yên Thủy, Lạc Sơn):* Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy. Tập trung xây dựng và thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp dọc tuyến đường Hồ Chí Minh; phát triển các ngành chế biến nông lâm sản, thực phẩm; các ngành nghề nông thôn và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống kết hợp với phát triển nông nghiệp hàng hóa.

- *Tiểu vùng 3 (các huyện: Mai Châu, Đà Bắc, Tân Lạc, Cao Phong):* Phát triển công nghiệp gắn với nông, lâm nghiệp và chế biến nông sản, thực phẩm, quan tâm các loại cây công nghiệp như mía, cam, chè, cây dược liệu; đẩy mạnh trồng rừng, kết hợp với khai thác thủy sản, vận tải thủy và các ngành nghề truyền thống; sản xuất vật liệu xây dựng; điện tử; may mặc; lắp ráp, sửa chữa cơ khí; khai thác và chế biến khoáng sản...; đồng thời tập trung phát triển các lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp ở đô thị, khu vực nông thôn nhằm thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút lao động, giải quyết việc làm và sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

Có cơ chế để đẩy nhanh xây dựng các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm tập trung, trọng tâm, trọng điểm; phát triển một số sản phẩm công nghiệp chủ



lực, ưu tiên lợi thế cạnh tranh, chuyên môn hóa và chuỗi giá trị; hướng đến ưu tiên lựa chọn vùng, địa phương đã bước đầu hình thành các cụm liên kết hoặc có lợi thế về giao thông, tài nguyên, lao động... có khả năng trở thành động lực tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa sản xuất công nghiệp, tạo ra các quy trình sản xuất thông minh, nhà máy thông minh...

Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng tăng nhanh tỷ trọng chế biến, chế tạo và có hàm lượng công nghệ cao; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, thân thiện với môi trường. Ưu tiên các ngành công nghiệp: Cơ khí, điện tử, sản xuất kim loại; sản xuất và phân phối điện; dệt may - da giày; hóa chất, hóa dược; chế biến lâm sản; chế biến thực phẩm, đồ uống; khai thác chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng... Chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn.

Xây dựng cơ chế, chính sách, tiêu chí ưu tiên trong lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ, tập trung đẩy mạnh các khâu còn yếu của chuỗi giá trị sản phẩm, các công đoạn quyết định đến chất lượng, giá trị sản phẩm của ngành.

*Giai đoạn đến năm 2030:* Tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp: Chế biến nông, lâm sản theo công nghệ tiên tiến; sản xuất vật liệu xây dựng; điện tử, dệt may, da giày, lắp ráp cơ khí, bia, rượu, nước giải khát... ưu tiên phát triển các khâu tạo giá trị gia tăng cao gắn với quy trình sản xuất tự động.

*Giai đoạn 2030-2045:* Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo và công nghệ cao gắn với công nghệ thông tin; tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp: Chế biến và hỗ trợ, dệt may, giày da áp dụng công nghệ kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp và công nghệ sinh học.

### **3.2- Chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp**

Quan tâm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhất là về vốn, đất đai, giải phóng mặt bằng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng cải cách, nâng cao chất lượng thủ tục hành chính các lĩnh vực quản lý Nhà nước, nhất là thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp. Triển khai có hiệu quả các dự án đầu tư trang thiết bị, phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính; tập trung cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm tăng tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước.

Vận dụng phù hợp các cơ chế chính sách của Trung ương để ban hành cơ chế, chính sách hấp dẫn các nhà đầu tư. Tập trung giải quyết các cơ chế chính sách về giao đất, cho thuê đất và tạo quỹ đất sạch; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư chuẩn bị mặt bằng, xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng đến tường rào dự án; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu; xúc tiến thị trường tiêu thụ sản phẩm; đào tạo lao động...

Xây dựng chính sách đột phá tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng, công nghệ đối với các doanh nghiệp công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chú trọng phát triển hạ tầng giao thông, nhất là phát triển hạ tầng giao thông đường bộ là yếu tố quyết định thu hút đầu tư; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất, kinh doanh lành mạnh.

Xây dựng, công khai hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường đầu tư của tỉnh; thường xuyên cập nhật các định hướng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngành - lĩnh vực trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm làm cầu nối giữa chính quyền địa phương và cộng đồng doanh nghiệp.

### ***3.3- Chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp và nguồn nhân lực công nghiệp***

Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế; hình thành và phát triển hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp.

Phát triển doanh nghiệp công nghiệp tư nhân trở thành động lực quan trọng cho phát triển công nghiệp trên cơ sở triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 03/6/2017 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chú trọng xây dựng và triển khai các chính sách nâng cao năng lực công nghệ, quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ hình thành các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn trong lĩnh vực công nghiệp.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào công nghiệp, nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, theo hướng: Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “cao, mới, sạch và tiết kiệm”, sử dụng nguyên liệu, phụ kiện sản xuất trong nước; đầu tư nghiên cứu và phát triển khoa học - công

nghệ cao với cam kết chuyên giao công nghệ, đào tạo nhân lực tại chỗ; ưu tiên hình thức liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong nước; ưu tiên các công ty đa quốc gia có thương hiệu quốc tế, năng lực cạnh tranh cao và các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Xây dựng cơ chế chính sách phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cách mạng công nghiệp lần thứ 4; có chính sách thu hút nhân tài, năng lực sáng tạo, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, nhất là đội ngũ chuyên gia.

Rà soát các cơ sở đào tạo, phát triển quy mô ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực có chất lượng và tay nghề cao. Hỗ trợ thực hiện các chương trình liên kết đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là các chương trình đào tạo tại Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Có cơ chế, chính sách định hướng dịch chuyển lao động, nhất là lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp, phân bổ hợp lý lao động theo các tiêu vùng. Khuyến khích đào tạo, đào tạo lại đội ngũ công nhân kỹ thuật; ưu tiên đào tạo các nghề: Điện tử; may mặc, lắp ráp cơ khí, tự động hoá...

Phát triển đội ngũ doanh nhân có kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Chăm lo, xây dựng đội ngũ công nhân có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tay nghề, năng suất lao động. Đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định. Huy động các nguồn lực để xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở tại địa phương; thiết chế công đoàn, thiết chế văn hóa trong các khu, cụm công nghiệp.

### ***3.4- Chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp***

Khuyến khích nghiên cứu, phát triển, đổi mới, ứng dụng các thành tựu khoa học mới, tiên tiến, thân thiện môi trường vào sản xuất; thúc đẩy hình thành, phát triển các doanh nghiệp khoa học, công nghệ; gắn nghiên cứu khoa học, công nghệ với nhu cầu đổi mới, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng và chuyển giao công nghệ kỹ thuật vào sản xuất.

Ưu tiên các doanh nghiệp có ứng dụng, sử dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, kiên quyết không sử dụng công nghệ và thiết bị lạc hậu, đã qua sử dụng để đầu tư sản xuất, kinh doanh. Tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, nhất là sở hữu trí tuệ trong thời đại số. Chủ động tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước, đẩy mạnh thương mại hóa các sản phẩm, phát triển các dịch vụ tư vấn, thẩm định, môi giới,

định giá sản phẩm khoa học, công nghệ. Xây dựng cơ chế hỗ trợ để triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ mới; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới công nghệ; hình thành các quỹ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu đổi mới trong sản xuất, kinh doanh.

### ***3.5- Chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp***

Đẩy mạnh điều tra cơ bản, tìm kiếm, thăm dò, đánh giá trữ lượng tài nguyên. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, an toàn, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững, phù hợp với quy hoạch.

Lồng ghép các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp. Ban hành chính sách khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, bảo vệ môi trường. rà soát, sửa đổi các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của các ngành công nghiệp; quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, có chế tài xử lý nghiêm vi phạm. Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp an toàn về môi trường và đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

Giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khai thác khoáng sản; đánh giá, kiểm soát các nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; khuyến khích các hoạt động ngăn chặn ô nhiễm môi trường và áp dụng công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường; hỗ trợ kỹ thuật cho công tác quan trắc, thanh tra và quản lý môi trường.

### ***3.6- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp***

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp là một trong những nội dung cần thiết, xuyên suốt. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng ngành và từng cấp.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền địa phương về phát triển công nghiệp. Mở rộng sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các đối tượng chịu sự tác động



của chính sách vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách. Kiên quyết chống lợi ích nhóm, tham nhũng, lãng phí trong xây dựng và thực thi chính sách phát triển công nghiệp.

### III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiến hành tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, kiểm tra, giám sát, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW và Chương trình hành động này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thể chế hóa thành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân để thực hiện.

3. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, Chương trình hành động này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tham mưu sơ kết, tổng kết theo quy định.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định. *le*

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng,
- Văn phòng TW Đảng,
- Ban Kinh tế TW Đảng,
- Ban Cán sự Đảng Bộ Công thương,
- Các đ/c UV BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các Đảng đoàn, Ban Cán sự Đảng,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các cơ quan tỉnh,
- Lãnh đạo VPTU + CV,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (HVV).

T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ



Bùi Văn Tỉnh